

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 09/2024/HNGĐ-GĐT

Ngày 04/9/2024

Về “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với Hội đồng xét xử giám đốc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự.

Các Thẩm phán: ông Phạm Tấn Hoàng và ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: ông Trương Quang Hưng - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hôn nhân và gia đình “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”, giữa:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thanh T; địa chỉ cư trú: làng C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: ông Ngô Văn Đ; địa chỉ: làng C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng N; địa chỉ: số B phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

- Ngân hàng C; địa chỉ: khu C, Bán đảo L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

- Ông Trương Quốc H, địa chỉ: thôn B, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

- Ông Ngô Văn L, địa chỉ: thôn H, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

- Ông Bùi Văn T1, địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Bà và ông Ngô Văn Đ trước đây là vợ chồng và đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2023/QĐST-

HNGĐ-ST ngày 18/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Khi ly hôn, B và ông Đ chưa chia tài sản chung. Trong thời kỳ hôn nhân, B và ông Đ có các tài sản chung, gồm: Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 90, diện tích 5.294 m², mục đích sử dụng đất: đất ở nông thôn 200 m², đất trồng cây lâu năm 5.094 m² và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4 cùng các cây trồng trên đất tại làng C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 184673 ngày 08/6/2010. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hiện đang thế chấp cho Ngân hàng N - Chi nhánh Đ1 để vay 430.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 253/HĐTC ngày 27/3/2019; một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ số 114, diện tích 13.617,1 m²; mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất tại làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; được UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00610 ngày 31/12/2012 và Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 199, diện tích 29.180 m²; mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất là cây trồng trên đất tại làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Về nợ chung: Bà và ông Đ có nợ vay của Ngân hàng N, chi nhánh huyện Đ tiền 430.000.000 đồng, hiện nay còn nợ gốc và lãi; nợ vay của Ngân hàng C, phòng giao dịch huyện Đ tiền 42.000.000 đồng và tiền lãi. Nay Bà yêu cầu chia đôi tài sản trên, nợ chung hai người cùng có nghĩa vụ trả.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Văn Đ trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn như bà T trình bày. Về tài sản chung chưa chia: Ông thừa nhận Ông và bà T có các tài sản chung như bà T trình bày. Về nợ chung: ngoài hai khoản nợ của hai Ngân hàng như bà T trình bày thì Ông và bà T còn nợ của ông Ngô Văn L 102.750.000 đồng; nợ ông Trương Quốc H 390.200.000 đồng; nợ ông Bùi Văn T1 50.000.000 đồng. Hiện nay những người này đã khởi kiện Ông và bà T trong vụ án khác. Nay Ông yêu cầu chia đôi số tài sản nêu trên và mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ số nợ trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N yêu cầu ông Đ, bà T trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 5010LAV202202697 ngày 08/11/2022, với số tiền nợ gốc 430.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 19/9/2023 là 15.981.863 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C yêu cầu ông Đ, bà T trả nợ cho Ngân hàng nợ gốc 42.000.000 đồng, nợ lãi 124.274 đồng; tổng cộng là 42.124.274 đồng.

- **Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 39/2023/HNGĐ-ST ngày 19/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai quyết định:**

Căn cứ các Điều 33, 59, 60, 61 và 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 213, 219 và 357 của Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 157, 158, 165, 166, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

1. *Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản sau đây:*

- *Quyền sử dụng thửa đất lô số 11, tờ bản đồ số 90, diện tích 5.294 m², tại*

làng C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 184673 ngày 08/6/2010 (có sơ đồ thửa đất kèm theo). Tài sản gắn liền với thửa đất gồm: 01 căn nhà xây cấp 4 (xây năm 2008) có diện tích (10,1 x 6,6) m + 01 nhà kho có diện tích (5,3 x 7) m + công trình phụ (nhà vệ sinh, nhà tắm) có diện tích (3,3 x 2) m; 80 cây Điều, 30 cây Keo, 03 cây Sầu riêng, 20 cây Bưởi, 06 cây Bơ, 03 cây Chôm Chôm, 02 cây Táo, 01 cây Me, 03 cây Mít, 01 cây Ổi, 02 cây Na.

- Quyền sử dụng thửa đất có diện tích 13.617,1 m² địa chỉ: làng C, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Thửa đất này được xác định là một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ số 114 có vị trí, tứ cận như sau: phía Đông giáp Cao su của người khác có chiều dài các cạnh là 13,22 m; 25,36 m; 9,63 m; phía Tây giáp suối dài 63,35 m; phía Nam giáp vườn Cà phê, Điều của ông B1 dài 226,14 m; phía Bắc giáp Cao su của ông T2 dài 228,31 m (có sơ đồ thửa đất kèm theo). Tài sản gắn liền với thửa đất gồm: 600 cây Cà phê và 330 trụ Tiêu kinh doanh (trụ là cây Keo sống) và 80 cây Điều.

Tổng giá trị 1.176.935.000 đồng.

2. Giao cho ông Ngô Văn Đ được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản sau:

Quyền sử dụng thửa đất có diện tích 29.180 m²; địa chỉ: làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Thửa đất này đã được đo vẽ tổng thể năm 2012 được xác định là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 199 có vị trí, tứ cận như sau: phía Đông giáp đất ông H1; phía Tây giáp suối; phía Nam giáp suối; phía Bắc giáp đất ông H (có sơ đồ thửa đất kèm theo). Tài sản gắn liền với thửa đất gồm: 900 cây Điều, 01 hồ nước (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Tổng giá trị 435.000.000 đồng.

3. Bà T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh Đ1 430.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 15.981.863 đồng.

4. Ông Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách - Xã hội huyện C 42.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm là 124.274 đồng.

5. Bà T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch về tài sản cho ông Đ là 179.973.664 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Ngô Văn Đ có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được chia để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản; lãi suất chậm trả thi hành án và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25/9/2023, bị đơn ông Ngô Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm.

- Tại Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 02/2024/HNGĐ-PT ngày 04/01/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn Đ; giữ nguyên

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2023/HNGĐ-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng và án phí.

- Ngày 26/01/2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được đơn đề nghị giám đốc thẩm của ông **Ngô Văn Đ** đề nghị hủy bản án sơ thẩm, bản án phúc thẩm để xét xử lại, vì ông **Đ** cho rằng: việc chia tài sản như trên là thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông.

- Tại Quyết định số 06/2024/KN-HNGĐ ngày 05/8/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 02/2024/HNGĐ-PT ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 02/2024/HNGĐ-PT ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 39/2023/HNGĐ-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm nêu trên của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2023, Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai công nhận thuận tình ly hôn giữa bà **Nguyễn Thị Thanh T** và ông **Ngô Văn Đ**; công nhận sự thỏa thuận về con chung; về phần tài sản chung bà **T**, ông **Đ** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Ngày 21/02/2023, bà **Nguyễn Thị Thanh T** có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà **T** và ông **Đ** xác định tài sản chung chưa chia có 03 thửa đất, gồm:

- Thửa đất số **11**, tờ bản đồ số 90, diện tích 5.294 m², mục đích sử dụng đất: đất ở nông thôn 200 m², đất trồng cây lâu năm 5.094 m² và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4 cùng các cây trồng trên đất tại làng **C**, xã **I**, huyện **Đ**, tỉnh **Gia Lai**, được **UBND huyện Đ** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 184673 ngày 08/6/2010. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hiện đang thế chấp cho **Ngân hàng N - Chi nhánh Đ1** để đảm bảo khoản vay 430.000.000 đồng của ông **Đ**, bà **T** theo Hợp đồng thế chấp số 253/HĐTC ngày 27/3/2019.

- Một phần thửa đất số **3**, tờ bản đồ số 114, diện tích 13.617,1 m²; mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất tại làng **B**, xã **I**, huyện **Đ**, tỉnh **Gia Lai**; được **UBND huyện Đ**, tỉnh **Gia Lai** cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số CH00610 ngày 31/12/2012.

- Thừa đất số **6**, tờ bản đồ số 199, diện tích 29.180 m²; mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất là cây trồng trên đất tại làng **B**, xã **I**, huyện **Đ**, tỉnh **Gia Lai**.

[3]. Xét thấy, đối với một phần thừa đất số **3**, tờ bản đồ số 114, diện tích 13.617,1 m², tài sản gắn liền với đất là cây trồng và thừa đất số **6**, tờ bản đồ số 199, diện tích 29.180 m², tài sản gắn liền với đất là cây trồng lâu năm, vì vậy để bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập nên Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm giao cho bà **T** nhận một phần thừa đất số **3**, tờ bản đồ số 114, diện tích 13.617,1 m² tại làng **C**, xã **I**, huyện **Đ**, tỉnh **Gia Lai**; giao cho ông **Đ** nhận quyền sử dụng thừa đất số **6**, tờ bản đồ số 199, diện tích 29.180 m² và tài sản gắn liền với đất là cây trồng trên đất tại làng **B**, xã **I**, huyện **Đ**, tỉnh **Gia Lai** là có cơ sở, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Đối với quyền sử dụng đất diện tích 5.294 m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở và cây trồng thuộc thừa đất lô số **11**, tờ bản đồ số 90 tại làng **C**, xã **I**, huyện **Đ**, tỉnh **Gia Lai** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có 200 m² đất ở tại nông thôn, 5.094 m² đất trồng cây lâu năm. Như vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên về chỗ ở thì cần phải chia thừa đất này cho ông **Đ**, bà **T** nhận quyền sử dụng đất ở mới phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm giao toàn bộ thừa đất này cho bà **T** nhận sử dụng là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Đ**, chưa phù hợp với quy định tại Điều 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Như vậy, kết luận trong bản án sơ thẩm, bản án phúc thẩm không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án và qui định của pháp luật; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị số 06/2024/KN-HNGĐ ngày 05/8/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 02/2024/HNGĐ-PT ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 39/2023/HNGĐ-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai, về vụ án “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”, giữa nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thanh T** với bị đơn ông **Ngô Văn Đ** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Giao giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám

độc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT III – Toà án nhân dân tối cao;
- Chánh án TAND CC tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai
(Kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Cơ,
tỉnh Gia Lai (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu các Phòng: GDKT I (03 bản); HC-TP;
Lưu trữ và Hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tụ